TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V,** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 03-01-2025
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cảnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Ngọc Dình.
2. Bà Nguyễn Thị Thùy Ngân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Long An.

Ngày 03 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Long An đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 277/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2024 về việc "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 125/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 97/2024/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Kim A, sinh năm 2002.

Địa chỉ: Số 28 ấp Bắc, Khu phố 3, X, thành phố Y, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh B, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Số 343/1 ấp Phú Xuân 1, xã Z, huyện V, tỉnh Long An.

(Bà A và ông B vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/10/2024, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Lê Kim Ngân trình bày: Bà và ông Nguyễn Thanh B là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Z, huyện V, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận kết hôn số 35/2023 ngày 20 tháng 7 năm 2023. Quá trình chung sống đến nay vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, sống không hòa hợp, thường xuyên gây gổ, mâu thuẫn gia đình trầm trọng, vợ chồng sống không còn hạnh phúc. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và không còn khả năng hàn gắn, đoàn tụ.

Về quan hệ vợ chồng: Nay bà nhận thấy đời sống hôn nhân của vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên để rõ ràng về mặt pháp lý bà đề nghị Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Long An giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Thanh B.

- Về con chung: Không có.

- Về cấp dưỡng: Không yêu cầu.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

- *Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Nguyễn Thanh Bình đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định nhưng vẫn vắng mặt và không thể hiện ý kiến.*

Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm: Giấy chứng nhận kết hôn, bản tự khai, căn cước công dân, phiếu đề nghị xác minh tình trạng nơi cư trú, đơn xin ly hôn và các tài liệu khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng:

[2.1] Bà Lê Kim A khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thanh B nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Long An thụ lý, giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[2.2] Ông Nguyễn Thanh B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt; đồng thời bà A có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt ông B, bà A.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 35/2023 ngày 20/7/2023 của Ủy ban nhân dân xã Z, huyện V, tỉnh Long An thì bà Lê Kim A và ông Nguyễn Thanh B là vợ chồng hợp pháp.

[3.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cho rằng, nguyên nhân mâu thuẫn là hai vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, sống không hòa hợp, thường xuyên gây gổ, mâu thuẫn gia đình trầm trọng, vợ chồng sống không còn hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thanh B. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục theo quy định để tống đạt các văn bản tố tụng và thông báo cho ông B biết về yêu cầu ly hôn của bà A. Tuy nhiên, ông B không đến Tòa án làm việc, hòa giải, không thể hiện ý kiến về các vấn đề liên quan đến vụ án ly hôn. Điều này chứng tỏ ông B không còn quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân với bà A; từ bỏ quyền tham gia tố tụng, không hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở đánh giá, quan hệ hôn nhân giữa bà A và ông B đã *".... lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt*

được” theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà A.

[3.3] Về con chung: Bà Lê Kim A trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về cấp dưỡng: Không ai đưa ra yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3.5] Về tài sản chung: Không ai yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3.6] Về nợ chung: Bà A trình bày là không có; đồng thời không có người yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Từ đó thấy rằng, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà Lê Kim A phải chịu theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Kim A.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Kim A được ly hôn với ông Nguyễn Thanh B.

[2] Về con chung: Không xem xét giải quyết.

[3] Về cấp dưỡng: Không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí sơ thẩm: Buộc bà Lê Kim A phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ 300.000 đồng mà bà A đã tạm nộp theo biên lai thu số 0009177 ngày 11/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Long An.

[7] Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện V, tỉnh Long An;
- Chi cục THADS huyện V, tỉnh Long An;
- UBND xã Z, huyện V, tỉnh Long An;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Cảnh